

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG THỊ NẠI**
Số: 35 /CTN-BCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**
Năm báo cáo: **2013**

I- Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4100259282
- Vốn điều lệ : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng)
- Địa chỉ : 02 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại : 056.3891667-3892991
- Fax : 056.3892097
- Website : thinaipor.com.vn
- Email : thinaipor@vnn.vn - thinaiporqn@gmail.com
- Mã cổ phiếu : TNP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

-Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 05/01/1994 của UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở tách từ đơn vị hạch toán nội bộ của Công ty Vận tải biển - Xuất nhập khẩu Bình Định thành một DNNN trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Bình Định, có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo luật DNNN, đất đai thuộc Bộ quốc phòng.

-Năm 2003 mới được Bộ Giao thông Vận tải cho phép làm hàng tàu quốc tế. Tháng 9/2007, Bộ Quốc phòng giao chủ quyền đất đai cho Tỉnh và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

-Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 chuyển cảng Thị Nại làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Bình Định để thực hiện cổ phần hoá.

-Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Cảng Thị Nại và chính thức hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2010.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xếp dỡ hàng hoá.
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc.
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển, ô tô.
- Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử.
- Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô.
- Cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng.
- Lai dắt tàu biển.
- Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ.
- Dịch vụ thương mại; mua bán VLXD, nông sản, khoáng sản.
- Địa bàn kinh doanh : TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Các phòng chức năng: Kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật, Nhân chính và các đội sản xuất: Cơ giới, Giao nhận, Bốc xếp, bảo vệ và Xưởng Sửa chữa.

5. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2015 đưa cổ phiếu Công ty lên sàn, tham gia thị trường chứng khoán. Sau năm 2015 xem xét nâng cấp 123m cầu cảng 5.000 DWT thành 20.000 DWT.

- Chiến lược phát triển trung, dài hạn : Đầu tư nâng cấp cầu tàu 10.000 DWT dài 160m và các thiết bị xếp dỡ đồng bộ nhằm đạt sản lượng thông qua cảng từ 1,5 – 2 triệu tấn/năm. Mở rộng thêm các dịch vụ hoạt động đại lý hàng hải, thương mại hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh chính, từng bước tăng lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức.

6. Các rủi ro:

- Hoạt động kinh doanh ngành dịch vụ cảng biển phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của địa phương và khu vực, kinh tế phát triển thì hàng hoá thông qua cảng càng nhiều, nếu ngược lại sẽ ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các mục tiêu của Công ty đã đề ra.

- Giá cả vật tư, nhiên liệu,... biến động bất thường theo xu hướng tăng, ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức của doanh nghiệp.

- Khu vực phát triển thêm nhiều cảng biển dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, không lành mạnh. Công ty không có lợi thế so với các cảng khác nên độ rủi ro cao.

II – Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Việc đầu tư xây dựng nâng cấp Bến cập tàu 10.000DWT chậm hoàn thành, chiều dài cầu bến bị thu hẹp, cơ sở hạ tầng kho bãi diện tích nhỏ, thiết bị xếp dỡ thiếu và lạc hậu, bốc xếp thủ công (mặt hàng bao là chính), năng lực hoạt động kinh doanh bị hạn chế. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Hoàn thành (%)
1	Sản lượng hàng thông qua cảng (Tấn)	750.000	738.925	98
2	Tổng doanh thu	36.600.000.000	37.738.280.565	103
3	Lợi nhuận trước thuế	5.500.000.000	5.711.703.313	104
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.375.000.000	1.418.119.810	103
5	Lợi nhuận sau thuế	4.125.000.000	4.293.583.503	104
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	580	605	104
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	5,8	6,0	103
8	Tỷ lệ cổ tức/năm (%)	5,0	5,0	100

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành:

- + Giám đốc: Trần Công Triệu
 - Số CMND: 210270691 , ngày cấp: 25/11/2001, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: Tổ 37A, KV4, P.Quang Trung, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 19/12/2009
 - Cổ phần sở hữu : 92.700 cổ phần Tỷ lệ : 1.31%
- + Phó Giám đốc: Trần Dương
 - Số CMND: 211059142 , ngày cấp: 25/06/2008, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 18/12 Trần Văn ơn, tổ 13, KV3, P. Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/01/2013
 - Cổ phần sở hữu : 56.800 cổ phần Tỷ lệ : 0,81%
- + Kế toán trưởng: Đồng Thị Quỳnh Hương
 - Số CMND: 211750808 , ngày cấp: 08/05/2003, nơi cấp: Bình Định
 - Địa chỉ: 78 Bà Triệu, Quy Nhơn
 - Ngày bổ nhiệm: 01/11/2013
 - Cổ phần sở hữu : 13.100 cổ phần Tỷ lệ : 0,18%

b. Số lượng cán bộ, công nhân viên: 230 người

- + Các phòng chức năng:
 - Phòng Kinh doanh: 8 người (trong đó Điều độ sản xuất: 4)
 - Phòng Kế toán: 5 người
 - Phòng Nhân chính: 3 người
 - Phòng Kỹ thuật: 3 người
- + Các bộ phận trực tiếp sản xuất:
 - Xưởng sửa chữa: 4 người

- Đội Bảo vệ: 9 người
- Đội Cơ giới: 15 người
- Đội Giao nhận: 9 người
- Đội Bốc xếp: 171 người

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	81.902.813.316	85.049.612.254	103
Doanh thu thuần	29.849.586.201	36.373.610.944	121
Lợi nhuận khác	131.045.698	206.015.895	157
Lợi nhuận trước thuế	4.329.223.025	5.711.703.313	131
Lợi nhuận sau thuế	3.218.767.827	4.293.583.503	133
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	514	605	117

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	3,51	3,36	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,50	3,35	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	10,9	9,2	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	12,2	10,2	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	204	249	
(Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	10,9	42,77	
+ Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	10,78	11,80	
+ Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)	4,41	5,72	
+ Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)	3,93	5,14	

(Lnhuận sau thuế/Tổng tài sản) + Hệ số Lnhuận từ hoạt động KD/Dthu thuần	21,98	27,00	
--	-------	-------	--

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Loại cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần **7.1000.000** cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng hợp theo danh sách tại ngày 31/12/2013 như sau

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1-Số lượng cổ đông	156	7.100.000	100
2-Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng cổ phần)	3	6.052.600	85,25
3-Cổ đông tổ chức	3	6.052.600	85,25
4-Cổ đông cá nhân	153	1.047.400	14,75
5-Cổ đông trong nước	156	7.100.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 khó khăn vẫn còn tiếp diễn, cầu cảng 10.000DWT chưa hoàn thành, không đủ cầu bến đáp ứng cho yêu cầu khách hàng, sản xuất thu hẹp, sản lượng hàng thông qua cảng tăng chậm, lợi nhuận đạt chưa cao, đời sống CBCNV còn khó khăn, thu nhập thấp so với các cảng khác trong khu vực.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Ph tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.845.852.806	10.005.431.835	400.000.000	41.272.727	32.292.557.368
Tăng trong năm		9.727.272.728			9.727.272.728
Giảm trong năm (TT45)		160.618.727			160.618.727
Thanh lý,		90.000.000			90.000.000

nhượng bán					
Số cuối năm	21.845.852.806	19.482.085.836	400.000.000	41.272.727	41.769.211.369
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.459.128.365	6.847.195.681	320.081.008	28.154.545	19.654.559.599
Khấu hao	854.585.798	868.347.145	39.999.996	1.890.907	1.764.823.846
Giảm trong năm (TT45)		127.851.459			127.851.459
Thanh lý, nhượng bán		90.000.000			90.000.000
Số cuối năm	13.313.714.163	7.497.691.367	360.081.004	30.045.452	21.201.531.986
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.386.724.441	3.158.236.154	79.918.992	13.118.182	12.637.997.769
Số cuối năm	8.532.138.643	11.984.394.469	39.918.996	11.227.275	20.567.679.383

b. Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Vay ngắn hạn		
2	Vay dài hạn		
3	Phải trả dài hạn khác		
4	Phải trả người bán	306.354.082	778.001.406
5	Người mua trả tiền trước	2.803.473	450.450
6	Thuế và các khoản phải nộp	862.098.919	1.146.798.700
7	Phải trả người lao động	1.042.543.160	2.054.114.244
8	Chi phí phải trả		62.893.350
9	Phải trả ngắn hạn khác	6.266.129.640	3.748.849.434
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	414.636.751	58.673.876
	Cộng	8.894.566.025	7.849.781.460

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: không

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty:

Do năng lực của Cảng còn hạn chế nên hoạt động kinh doanh chỉ tập trung các tàu biển nội địa, trọng tải nhỏ, mặt hàng chính chủ yếu là hàng bao, bốc xếp thủ công, lực lượng lao động nhiều, hao phí lao động cao, giá xếp dỡ thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc:

Mặc dù không có nhiều lợi thế về cạnh tranh so với các cảng khác trong khu vực nhưng Ban Giám đốc năng động, quản lý điều hành tốt, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoàn thành vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Dự án nâng cấp cầu cảng 10.000DWT: Hoàn thành toàn bộ công trình trong Quý II/2014.
 - Đầu tư thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất: 02 xe cẩu 40 – 80 Tấn, gàu ngoạm và phễu làm hàng rời, băng chuyền làm hàng bao từ tàu lên và ngược lại.
 - Nâng cấp mặt BTXM bãi hàng sau cầu cảng 10.000 DWT.
 - Xây dựng khu sinh hoạt cho bộ phận sản xuất.
- Tổng vốn ước khoảng 20 tỷ đồng. Nguồn vốn Công ty và vốn vay các ngân hàng thương mại.

V- Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

Bao gồm 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên không trực tiếp điều hành công ty.
Cụ thể:

TT	Họ tên thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu(%)	Ghi chú
1	Trần Công Triệu	Chủ tịch	1,31	Cổ phần cá nhân
			35,00	Đại diện cổ phần Quỹ ĐTPT Bình Định
2	Đồng Thị Ánh	Phó chủ tịch	30,12	Đại diện cổ phần Công ty TNHH TM Ánh Vy- Không điều hành
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	11,27	Đại diện công ty TNHH ĐT&XD Kim Cúc - Không điều hành
4	Nguyễn Bạo	Thành viên	8,86	Đại diện cổ phần Quỹ ĐTPT Bình Định – Không điều hành
5	Trần Dưỡng	Thành viên	0,81	Cổ phần cá nhân

+ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể HĐQT, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của chủ tịch và thành viên.
- Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, bảo đảm sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.
- Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định điều lệ, quy định của pháp luật và quy chế làm việc.
- Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động.

2. Ban Kiểm soát:

TT	Họ tên thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu(%)	Ghi chú
1	Tạ Thị Thanh Liên	Trưởng ban	0	Chuyên viên Sở Tài chính Bình Định
2	Châu Văn Hùng	Thành viên	0,03	Nhân viên công ty
3	Võ Thị Thu Hiền	Thành viên	0,04	Nhân viên công ty

+Hoạt động của Ban Kiểm soát:

-Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được quy định theo pháp luật và Điều lệ của Công ty.

-Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện công tác quản lý tài chính, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát hiện tại:

a. Thù lao

ĐVT: triệu đồng						
TT	Thành phần	Chức vụ	Năm 2013			
			Lương	Thù lao	Khác	Cộng
	Hội đồng quản trị					
1	Trần Công Triệu	Chủ tịch		21		21
2	Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch		15		15
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên		12		12
4	Trần Bạo	Thành viên		6		6
5	Trần Dưỡng	Thành viên		12		12
	Ban Giám đốc					
1	Trần Công Triệu	Giám đốc	150		2,07	152,07
2	Trần Dưỡng	Phó Giám đốc	105		1,34	106,34
	Ban Kiểm soát					
1	Tạ Thị Thanh Liên	Trưởng ban		4,8		4,8
2	Châu Văn Hùng	Thành viên		7,8		7,8
3	Võ Thị Thu Hiền	Thành viên		7,8		7,8

b. Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ: 13 giao dịch

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: 13 hợp đồng

VI- Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán : (Trích từ Báo cáo kiểm toán độc lập)

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết cụ thể như Báo cáo tài chính năm 2013 đăng tải tại Website: thinaiport.com.vn hoặc cổng thông tin UBCK NN)

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Website Công ty;
- Lưu NC, KT, Tký.



GIÁM ĐỐC

Trần Công Triệu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI

02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.353.037.172	31.206.739.019
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.303.835.754	22.921.742.995
1. Tiền	111		4.275.605.554	4.693.512.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.028.230.200	18.228.230.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.939.239.208	8.082.983.323
1. Phải thu khách hàng	131		5.689.609.445	3.141.323.007
2. Trả trước cho người bán	132		7.413.132.441	4.971.612.668
3. Các khoản phải thu khác	135	6	64.944.682	76.017.873
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(228.447.360)	(105.970.225)
IV. Hàng tồn kho	140		97.606.212	114.051.579
1. Hàng tồn kho	141	8	97.606.212	114.051.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.355.998	87.961.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	12.355.998	87.961.122
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.696.575.082	50.696.074.297
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.601.886.997	30.926.601.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.567.679.383	12.637.997.769
- Nguyên giá	222		41.769.211.369	32.292.557.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.201.531.986)	(19.654.559.599)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	20.034.207.614	18.288.604.003
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	3.000.000.000	3.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.094.688.085	16.769.472.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.094.688.085	16.769.472.525
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.049.612.254	81.902.813.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI

02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.849.781.460	8.894.566.025
I. Nợ ngắn hạn	310		7.849.781.460	8.894.566.025
1. Phải trả người bán	312		778.001.406	306.354.082
2. Người mua trả tiền trước	313		450.450	2.803.473
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.146.798.700	862.098.919
4. Phải trả người lao động	315		2.054.114.244	1.042.543.160
5. Chi phí phải trả	316	15	62.893.350	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	3.748.849.434	6.266.129.640
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		58.673.876	414.636.751
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.199.830.794	73.008.247.291
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	77.199.830.794	73.008.247.291
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	71.000.000.000	71.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	17	40.909.091	40.909.091
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	429.928.698	531.928.698
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	435.409.502	435.409.502
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	4.293.583.503	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.049.612.254	81.902.813.316

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	114.573.433	114.573.433
2. Ngoại tệ các loại	-	-

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

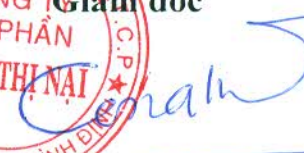
Kế toán trưởng

Giám đốc









Lê Thị Minh Quy

Đồng Thị Quỳnh Hương

Trần Công Triệu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI
02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	36.373.610.944	29.849.586.201
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	36.373.610.944	29.849.586.201
4. Giá vốn hàng bán	11	19	26.389.459.311	23.287.887.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		9.984.151.633	6.561.698.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.152.887.799	1.118.054.508
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		130.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.501.352.014	3.481.575.871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.505.687.418	4.198.177.327
11. Thu nhập khác	31	21	211.791.822	154.153.464
12. Chi phí khác	32	22	5.775.927	23.107.766
13. Lợi nhuận khác	40		206.015.895	131.045.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	5.711.703.313	4.329.223.025
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.418.119.810	1.110.455.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	4.293.583.503	3.218.767.827
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	605	514

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Lê Thị Minh Quy

Đồng Thị Quỳnh Hương

Trần Công Triệu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI
02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	37.588.259.190	32.925.947.770
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(16.101.930.582)	(11.393.090.345)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.679.485.612)	(11.598.009.553)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.035.455.198)	(830.550.339)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	418.818.524	749.473.672
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.644.849.531)	(2.670.491.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.545.356.791	7.183.280.156
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(13.876.934.512)	(9.153.184.551)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	24.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.177.815.480	1.139.990.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.675.119.032)	(8.013.194.238)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	11.000.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.488.145.000)	(3.224.865.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.488.145.000)	7.775.135.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.617.907.241)	6.945.220.918
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.921.742.995	15.976.522.077
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.303.835.754	22.921.742.995

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Lê Thị Minh Quy

Đồng Thị Quỳnh Hương

Trần Công Triệu